

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **12/2021/DS-ST**
Ngày 02-02-2021
V/v tranh chấp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Minh Út.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Công Đăng.

Ông Nguyễn Hải Hưng.

- T ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Anh là T ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 02 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 143/2020/TLST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2020/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị V, sinh năm 1951 (có mặt)

- *Bị đơn:* 1. Ông Châu Văn T (vắng mặt)

2. Bà Lê Kim Đ (vắng mặt)

Cùng cư trú: Ấp 11, xã T, huyện M, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03-11-2020 cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị V trình bày: Trong quá trình bà Phạm Thị V làm chủ hụi, ông Châu Văn T và bà Lê Kim Đ có tham gia 04 dây hụi, cụ thể:

Dây thứ nhất: Mở ngày 29-10-2016 (âm lịch), loại hụi 1.000.000 đồng, mỗi tháng khai 01 kỳ, có 27 phần, ông T và bà Đ tham gia 01 phần. Ông T và bà Đ đã hốt, đến nay hụi đã mãn còn nợ lại 6.000.000 đồng.

Dây thứ hai: Mở ngày 20-10-2017 (âm lịch), loại hụi 1.000.000 đồng, mỗi tháng khai 01 kỳ, có 25 phần, ông T và bà Đ tham gia 01 phần. Ông T và bà Đ đã hốt, đến nay hụi đã mãn còn nợ lại 18.000.000 đồng.

Dây thứ ba: Mở ngày 11-3-2018 (âm lịch), loại hụi 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui 01 kỳ, có 35 phần, ông T và bà Đ tham gia 01 phần. Ông T và bà Đ đã hốt, đến nay hụi đã mãn còn nợ lại 31.000.000 đồng.

Dây thứ tư: Mở ngày 10-8-2018 (âm lịch), loại hụi 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui 01 kỳ, có 25 phần, ông T và bà Đ tham gia 01 phần. Ông T và bà Đ đã hốt, đến nay hụi đã mãn còn nợ lại 1.000.000 đồng.

Quá trình tham gia hụi, ông T và bà Đ còn nợ hụi cũ 500.000 đồng. Tổng các dây hụi ông T và bà Đ còn nợ là 56.500.000 đồng và có làm giấy nợ. Sau đó ông T và bà Đ có trả được 3.700.000 đồng, đối trừ bà V yêu cầu tiếp tục trả 52.800.000 đồng.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn đúng theo quy định pháp luật nhưng ông T và bà Đ không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Châu Văn T và bà Lê Kim Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên xem như từ bỏ quyền của mình tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông T và bà Đ.

[2] Về quan hệ pháp luật: Giao dịch dân sự giữa bà Phạm Thị V với ông Châu Văn T và bà Lê Kim Đ được xác định tại thời điểm thực hiện là hợp đồng hụi theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự.

[3] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ ông Châu Văn T và bà Lê Kim Đ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có văn bản phản bác nên xem như bị đơn từ bỏ quyền của mình và cố tình trốn tránh nghĩa vụ thanh toán nợ. Bà V đã cung cấp 04 tờ “giao kèo chơi hụi” thể hiện quá trình bà V làm chủ hụi ông T và bà Đ có tham gia giao dịch, số phần tham gia vào các dây hụi nêu trên là thực tế có xảy ra. Sau khi ông T và bà Đ hốt hụi nhưng không đóng lại hụi chết, ông T và bà Đ làm biên nhận thể hiện còn thiếu tiền hụi bà V với số tiền 56.500.000 đồng, sau đó bà V xác định đã trả được 3.700.000 đồng thì ngưng cho đến nay. Như vậy, có căn cứ xác định sau khi đối trừ số tiền đã trả, ông T và bà Đ còn nợ bà V tổng số tiền hụi 52.800.000 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Như đã phân tích, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị V. Buộc ông Châu Văn T và bà Lê Kim Đ cùng có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị V số tiền hụi còn nợ lại là 52.800.000 đồng (Năm mươi hai triệu tám trăm nghìn đồng).

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án, ông T và bà Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% tương ứng với số tiền theo yêu cầu của bà V được Tòa án chấp nhận. Cụ thể: 52.800.000 đồng x 5% = 2.640.000 đồng (Hai triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 147 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị V. Buộc ông Châu Văn T và bà Lê Kim Đ có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị V số tiền hui còn nợ lại là 52.800.000 đồng (Năm mươi hai triệu tám trăm nghìn đồng).

Đối với khoản tiền phải thanh toán. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Châu Văn T và bà Lê Kim Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 2.640.000 đồng (Hai triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng), chưa nộp.

Bà Phạm Thị V được miễn dự nộp tạm ứng án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Phạm Thị V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Châu Văn T và bà Lê Kim Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn

15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn T.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Minh Út